



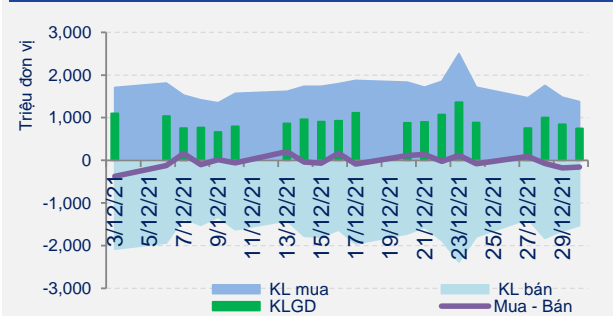
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/12/2021

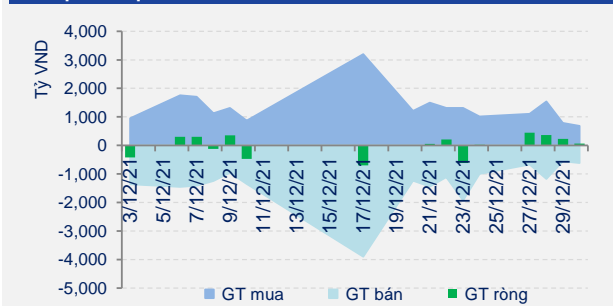
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,485.97	461.65
% Thay đổi	↑ 0.01%	↑ 0.83%
KLGD (CP)	747,860,796	123,684,177
GTGD (tỷ đồng)	22,029.05	3,465.53
Tổng cung (CP)	1,527,914,800	169,185,500
Tổng cầu (CP)	1,374,688,000	154,821,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	17,860,298	307,297
KL mua (CP)	18,695,900	658,720
GT mua (tỷ đồng)	687.81	26.20
GT bán (tỷ đồng)	620.61	8.16
GT ròng (tỷ đồng)	67.21	18.03

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.30%	23.7	3.7	1.0%
Công nghiệp	↑ 0.27%	24.2	3.1	14.8%
Dầu khí	↑ 0.43%	19.4	2.0	2.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.09%	-	10.2	3.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.42%	17.3	2.7	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.00%	23.6	4.2	12.8%
Ngân hàng	↓ -0.01%	12.0	2.4	13.2%
Nguyên vật liệu	↑ 0.12%	11.1	2.6	10.7%
Tài chính	↑ 0.23%	21.6	3.7	38.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.38%	16.5	2.6	3.0%
VN - Index	↑ 0.01%	17.6	3.2	
HNX - Index	↑ 0.83%	25.3	5.0	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Cụ thể, VN-Index tăng 0,15 điểm (+0,01%) lên 1.485,97 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 236 mã tăng, 62 mã tham chiếu, 233 mã giảm. HNX-Index tăng 3,82 điểm (+0,83%) lên 461,65 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 131 mã tăng, 59 mã tham chiếu, 121 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 841 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 24.198 tỷ đồng. Cổ phiếu chứng khoán là tâm điểm trong phiên hôm nay khi thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng giá mạnh, có thể kể đến như SSI (+5,9%), VND (+4,8%), VIX (+6,9%), SHS (+5,1%), ART (+9,4%), APS (+9,9%), HCM (+4,4%), SBS (+8,8%), VCI (+2,9%), TVC (+6,7%)... Bên cạnh đó, cổ phiếu ngân hàng cũng có diễn biến tích cực với nhiều mã tăng như STB (+3,4%), MSB (+2,3%), VPB (+1,9%), TCB (+0,4%), MBB (+0,5%), SSB (+0,1%)... Nhóm dầu khí cũng có một phiên giao dịch tương đối tích cực với PVS (+2,6%), PVD (+0,2%), OIL (+1,2%), PVC (+3,6%), PVB (+5,6%)... Ở chiều ngược lại, cổ phiếu bất động sản, xây dựng sau chuỗi ngày tăng mạnh đã bị chốt lời khiến nhiều mã giảm như CII (-2,7%), LDG (-5,4%), DIG (-1%), KBC (-2,5%), TCH (-1,2%), NLG (-1,3%), DXG (-2%), SCR (-2,6%), HQC (-3,4%), ROS (-5,6%), VCG (-2,1%), HBC (-2,4%), LCG (-3,8%), FCN (-0,9%)... Cổ phiếu thép cũng có diễn biến không mấy tích cực với HPG (-0,2%), NKG (-1,6%), VGS (-1,3%), TLH (-0,7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường khởi đầu phiên hôm nay với diễn biến khá tích cực nhưng về chiều áp lực bán gia tăng khiến chỉ số VN-Index (+0,01%) kết phiên với mức tăng nhẹ. Thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là bên mua và bên bán đang giằng co ở vùng giá hiện tại. Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng tăng của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi và ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm là mục tiêu tiếp theo của chỉ số VN-Index. Bên cạnh đó, trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30F2201 đang cao hơn chỉ số cơ sở VN30 gần 6 điểm. Điều này cho thấy là các nhà giao dịch đang lạc quan về xu hướng thị trường. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối cùng của năm 2021, VN-Index có thể sẽ tiếp tục đà tăng để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã nâng tỷ trọng lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên 6/12 có thể canh những nhịp tăng điểm tới ngưỡng tâm lý 1.500 điểm để chốt lời một phần danh mục.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/12/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.493,38 điểm. Về cuối phiên, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số có lúc lùi xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.484,82 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 0,15 điểm (+0,01%) lên 1.485,97 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: SSI tăng 2.950 đồng, VPB tăng 650 đồng, STB tăng 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 1.100 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến cuối phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 461,88 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,82 điểm (+0,83%) lên 461,65 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS tăng 2.500 đồng, KSF tăng 1.500 đồng, THD tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 67,17 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,6 triệu đơn vị. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 31,4 tỷ đồng tương ứng với 383 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SSI với 29,5 tỷ đồng tương ứng với 570 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 141,4 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 17,99 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 351 nghìn cổ phiếu. VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 7,5 tỷ đồng tương ứng với 63 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PTI với 4,4 tỷ đồng tương ứng với 75 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DIH là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,5 tỷ đồng tương ứng với 26 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh, bên mua và bên bán vẫn đang giằng co ở vùng giá hiện tại.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục nhẹ (+0,01%) này thì chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên vùng hỗ trợ quan trọng trong khoảng 1.460-1.470 điểm (MA20-50) nên xu hướng tăng của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi và mục tiêu tiếp theo của chỉ số VN-Index là ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm có thể đạt được trong thời gian tới.

Tuy nhiên, nếu áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.460-1.470 điểm (MA20-50) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối cùng của năm 2021, VN-Index có thể sẽ tiếp tục đà tăng để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

TP.HCM đưa dự báo kinh tế phục hồi, phát triển hình chữ V năm 2022

Năm 2021, TP.HCM ghi nhận mức GRDP giảm sâu nhất trong lịch sử. Tuy nhiên, tổng thu ngân sách Nhà nước vẫn vượt 5,2% dự toán và tăng 3% so với năm 2020.



TIN TRONG NƯỚC

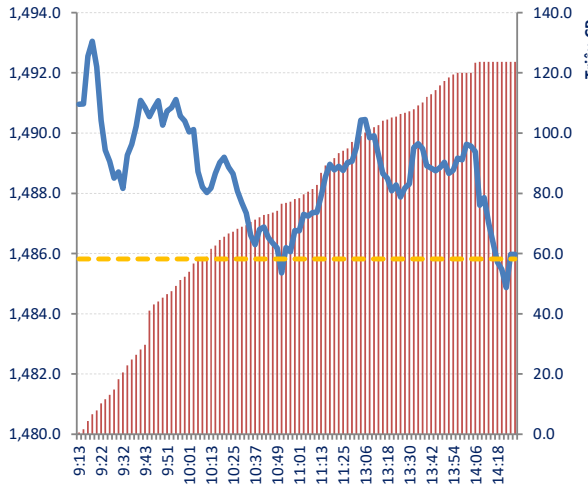
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,5 - 61,15 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 9 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 30/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.145 VND/USD, giảm 9 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

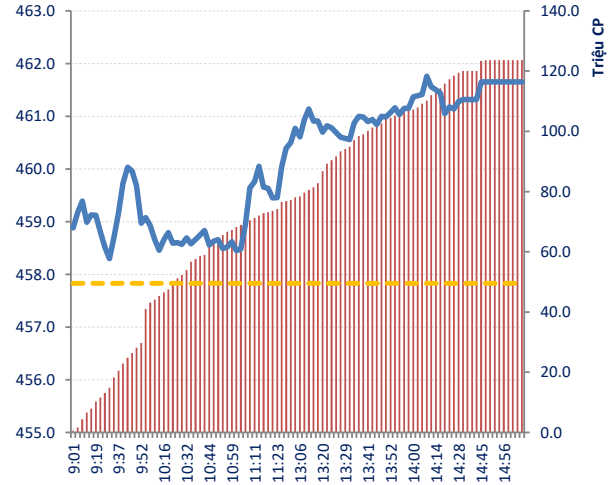
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,7 USD/ounce tương ứng với 0,32% xuống 1.800,35 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,292 điểm tương ứng 0,3% lên 96,218 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1302 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3458 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,18 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,32 USD/thùng tương ứng với 0,42% xuống 76,26 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/12, Dow Jones tăng 90,42 điểm tương đương 0,25% lên 36.488,63 điểm. Nasdaq giảm 15,51 điểm tương đương 0,1% xuống 15.766,22 điểm. Nasdaq Composite tăng 6,71 điểm tương đương 0,14% lên 4.793,06 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

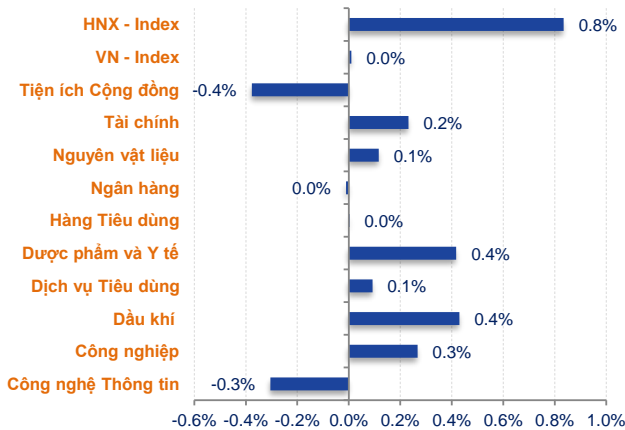
KLGD và VN-Index trong phiên



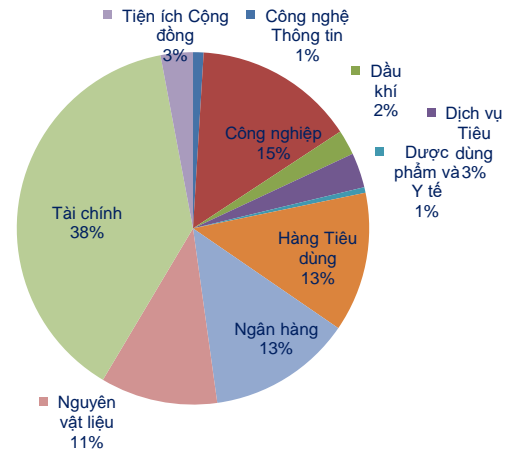
KLGD và HNX-Index trong phiên



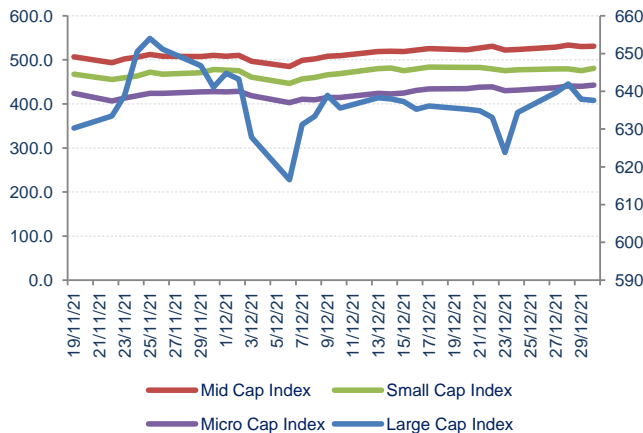
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



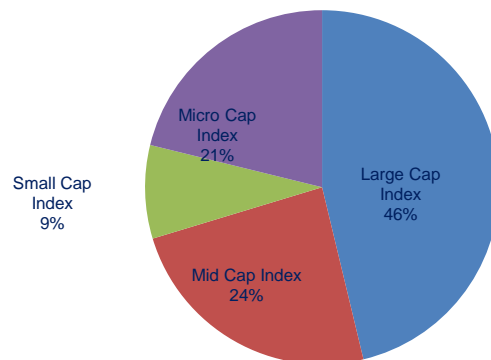
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	E1VFN30	586,600	HPG	3,083,500
2	ITA	584,300	STB	737,500
3	SSI	570,200	CII	661,400
4	VRE	461,100	NLG	263,400
5	VCG	459,800	ROS	219,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	109,495	RCL	57,100
2	PTI	75,000	ART	41,100
3	PVC	74,500	IVS	28,200
4	VCS	63,100	DIH	26,000
5	PVI	50,000	PVG	13,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
ROS	14.30	13.50	↓	-5.59%	40,812,700
STB	29.50	30.50	↑	3.39%	28,768,300
FLC	18.40	18.65	↑	1.36%	26,287,600
POW	18.00	17.45	↓	-3.06%	23,924,800
HQC	9.38	9.06	↓	-3.41%	20,900,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
ART	14.90	16.30	↑	9.40%	11,671,674
PVS	27.00	27.70	↑	2.59%	10,543,998
KLF	8.50	8.30	↓	-2.35%	7,967,597
IDC	71.90	72.90	↑	1.39%	5,670,305
SHS	48.60	51.10	↑	5.14%	5,518,211

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
APG	19.30	20.65	1.35	↑ 6.99%
YEG	22.90	24.50	1.60	↑ 6.99%
MCG	9.30	9.95	0.65	↑ 6.99%
FTM	7.88	8.43	0.55	↑ 6.98%
DTL	39.40	42.15	2.75	↑ 6.98%

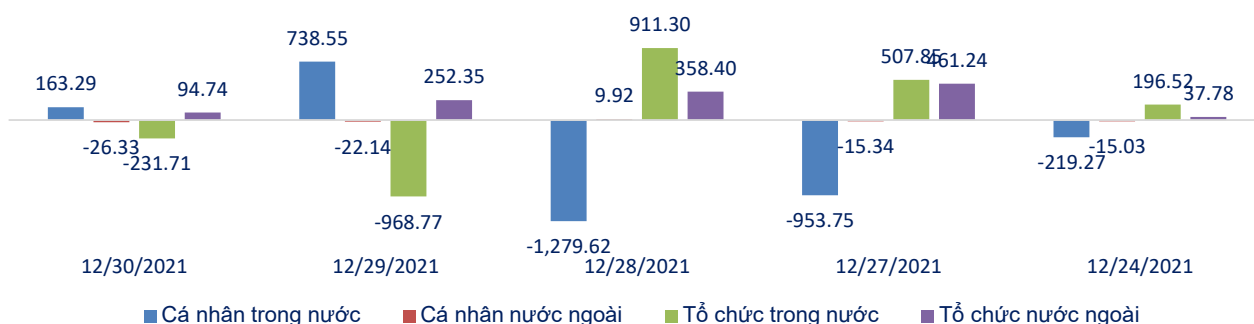
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
WSS	16.10	17.70	1.60	↑ 9.94%
AME	12.10	13.30	1.20	↑ 9.92%
TC6	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%
VCC	32.30	35.50	3.20	↑ 9.91%
APS	35.40	38.90	3.50	↑ 9.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	33.90	31.55	-2.35	↓ -6.93%
SVI	76.90	71.70	-5.20	↓ -6.76%
CCI	26.20	24.65	-1.55	↓ -5.92%
QBS	9.28	8.75	-0.53	↓ -5.71%
ROS	14.30	13.50	-0.80	↓ -5.59%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HGM	39.00	35.10	-3.90	↓ -10.00%
MAS	47.00	42.30	-4.70	↓ -10.00%
SDU	18.20	16.40	-1.80	↓ -9.89%
NBW	27.80	25.10	-2.70	↓ -9.71%
KST	26.80	24.20	-2.60	↓ -9.70%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	186.64	44.7%	7,085	6.5	2.4
APH	109.85	1.6%	439	86.7	1.2
SJS	61.32	2.5%	485	163.4	4.1
CII	36.86	0.5%	177	270.0	1.5
FLC	34.85	13.1%	1,967	9.4	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-40.62	21.2%	2,772	12.5	2.5
VHM	-30.50	38.3%	8,968	9.1	3.0
VCG	-25.78	6.8%	1,223	43.4	3.1
VNM	-24.28	31.0%	5,037	16.9	5.3
VND	-23.81	19.6%	2,182	36.2	4.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	3.16	0.2%	69	439.2	0.9
MSN	2.56	8.4%	2,032	84.6	6.3
LHG	1.90	24.6%	6,724	8.0	1.9
GEX	1.84	8.6%	1,754	21.1	1.6
NVL	1.74	7.9%	1,577	55.2	4.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	-16.64	18.0%	4,420	21.1	3.8
CTG	-4.11	18.1%	3,439	9.9	1.7
POW	-3.90	8.6%	1,167	15.4	1.3
SSI	-3.85	16.5%	2,032	24.4	3.6
VIX	-2.76	37.3%	3,972	7.8	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	41.68	21.2%	2,772	12.5	2.5
CTG	19.78	18.1%	3,439	9.9	1.7
SZC	17.71	20.9%	2,793	24.6	4.9
MWG	12.27	24.6%	6,071	22.1	5.1
VNM	11.76	31.0%	5,037	16.9	5.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-109.69	1.6%	439	86.7	1.2
SJS	-61.15	2.5%	485	163.4	4.1
HPG	-45.21	44.7%	7,085	6.5	2.4
FLC	-42.15	13.1%	1,967	9.4	1.3
TVS	-21.29	36.5%	4,858	12.5	3.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	33.28	16.5%	2,032	24.4	3.6
VHM	30.90	38.3%	8,968	9.1	3.0
VCG	24.22	6.8%	1,223	43.4	3.1
VND	22.60	19.6%	2,182	36.2	4.0
CTD	17.44	2.2%	2,426	43.7	0.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-139.82	44.7%	7,085	6.5	2.4
CII	-29.47	0.5%	177	270.0	1.5
MSN	-23.57	8.4%	2,032	84.6	6.3
STB	-23.12	11.1%	1,864	15.8	1.7
NLG	-17.11	13.6%	4,156	15.2	1.9



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	40,812,700	3.1%	324	44.1	1.3
STB	28,768,300	3250.0%	1,864	15.8	1.7
FLC	26,287,600	13.1%	1,967	9.4	1.3
POW	23,924,800	8.6%	1,167	15.4	1.3
HQC	20,900,700	0.1%	9	1,061.2	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ART	11,671,674	0.3%	32	471.3	1.3
PVS	10,543,998	4.6%	1,238	21.8	1.0
KLF	7,967,597	0.1%	6	1,398.7	0.8
IDC	5,670,305	11.8%	1,805	39.8	4.6
SHS	5,518,211	25.5%	3,091	15.7	2.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
APG	↑ 7.0%	13.2%	899	21.5	1.7
YEG	↑ 7.0%	-46.0%	(11,312)	-	1.0
MCG	↑ 7.0%	-8.9%	(409)	-	2.2
FTM	↑ 7.0%	-73.9%	(3,615)	-	2.2
DTL	↑ 7.0%	17.3%	2,896	13.6	2.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	↑ 9.9%	2.0%	206	78.0	1.6
AME	↑ 9.9%	8.7%	1,142	10.6	0.9
TC6	↑ 9.9%	0.5%	56	199.6	1.1
VCC	↑ 9.9%	5.1%	636	50.8	2.6
APS	↑ 9.9%	22.8%	1,635	21.6	3.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
1VFN3	586,600	N/A	N/A	N/A	N/A
ITA	584,300	1.5%	174	98.8	1.5
SSI	570,200	16.5%	2,032	24.4	3.6
VRE	461,100	7.2%	954	32.0	2.3
VCG	459,800	6.8%	1,223	43.4	3.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	109,495	4.6%	1,238	21.8	1.0
PTI	75,000	13.1%	3,352	17.6	2.2
PVC	74,500	1.4%	240	69.3	1.0
VCS	63,100	41.5%	11,163	10.6	4.0
PVI	50,000	13.2%	4,302	11.3	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	376,236	20.4%	4,464	17.8	3.4
VIC	363,398	2.9%	1,111	86.0	2.2
VHM	355,752	38.3%	8,968	9.1	3.0
HPG	204,860	44.7%	7,085	6.5	2.4
MSN	203,052	8.4%	2,032	84.6	6.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	87,955	25.2%	4,694	53.5	15.2
KSF	22,800	8.8%	754	100.8	3.8
IDC	21,570	11.8%	1,805	39.8	4.6
VCS	18,880	41.5%	11,163	10.6	4.0
CEO	18,220	-4.7%	(606)	-	5.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	3.62	0.5%	51	225.0	1.1
IDI	3.50	2.7%	363	40.1	1.1
HAI	3.19	0.7%	87	98.0	0.7
NTL	3.03	24.8%	4,877	8.5	2.2
DAH	2.86	0.1%	10	1,212.0	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	3.75	3.3%	243	118.7	3.9
CMC	2.88	4.0%	525	26.6	1.1
PSW	2.87	21.5%	2,611	8.1	1.6
APS	2.77	22.8%	1,635	21.6	3.0
DXP	2.73	12.7%	2,357	8.9	1.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
